TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2065**/2024/DS-ST
Ngày: 24/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

2. Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:* Bà Đặng Thị Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 787/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 595/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Địa chỉ: lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S** ủy quyền lại cho ông **T**

(Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Svà Giấy ủy quyền lại số 331/2024/UQ-TGĐ ngày 24/5/2021) (xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: 10N Cư xá Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 31/10/2020, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức là 10,000,000 (mười triệu) đồng. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29,391,717 (hai mươi chín triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn bảy trăm mười bảy) đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21,645,331(hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi mốt) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/11/2021, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng là 24,211,378 (hai mươi bốn triệu hai trăm mười một nghìn ba trăm bảy mươi tám) đồng, bao gồm nợ gốc là 11,998,144 (mười một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn một trăm bốn mươi bốn) đồng và lãi quá hạn là 12,213,234 (mười hai triệu hai trăm mười ba nghìn hai trăm ba mươi bốn) đồng tạm tính đến ngày 02/01/2024, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, không thể tiến hành hòa giải. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các ngày 31/7/2024.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa ghi nhận vấn đề sau đây:

A. Tại bản khai ngày 24/9/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng gốc và lãi là 28,360,446 (hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng, lãi được tính từ ngày chuyển nợ quá hạn 11/11/2021, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn là 3,9%/năm là 16,362,302 (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm lẻ hai) đồng, lãi tiếp tục tính cho đến khi trả dứt nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

B. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có bản tự khai.

C. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Theo trả lời xác minh ngày 13/5/2024 của Công an Phường 3, quận Bình Thạnh thì bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa chỉ 10N cư xá Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Nguyên đơn ủy quyền hợp lệ cho ông T tham gia tố tụng, đúng theo quy định tại Điều 138, 141 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn để làm rõ quá trình sử dụng thẻ nhưng bị đơn đều vắng mặt. Các thông tin về vụ kiện đã được bị đơn trực tiếp ký nhận nhưng không có ý kiến phản hồi. Như vậy, bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án

[4] Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không số, ngày 23/10/2020, được bị đơn xét duyệt, ký tên, đóng dấu ngày 31/10/2020 kèm bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 29/11/2019 (gọi tắt là bản Điều khoản và điều kiện) thỏa thuận bị đơn được cấp thẻ Visa Platinum Tiki, loại thẻ mới, hạn mức tín dụng 10,000,000 (mười triệu) đồng, chủ thẻ là ông T.Theo Tóm tắt sao kê thì số thẻ của bị đơn là 436438-1378, bị đơn thực hiện các giao dịch từ ngày 10/11/2020 và bắt đầu được tính phí; các giao dịch ghi thời gian, số tiền, loại hàng hóa, sản phẩm cụ thể. Đến kỳ 10/9/2021, bị đơn đã thanh toán nợ thẻ tín dụng nhiều lần, không khiếu nại các thông báo giao dịch, dư nợ hàng tháng và tiền lãi. Như vậy về cơ bản, nguyên đơn đã đồng ý với cách thức tính dư nợ và lãi của bị đơn.

[5] Theo thỏa thuận tại Điều 19.1 của bản Điều khoản và điều kiện, chủ thẻ phải thanh toán số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch. Theo Điều 13.1 thì nếu chủ thẻ vi phạm, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng của chủ thẻ và tiến hành thu hồi nợ vay. Tại Điều 13.4.b thỏa thuận hạn mức của chủ thẻ sẽ chấm dứt, dư nợ của tất cả các giao dịch trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán mà không cần có thông báo hay yêu cầu thanh toán. Từ kỳ 10/8/2021, bị đơn không thanh toán đủ số tiền tối thiểu; kỳ 10/10/2021, bị đơn không thanh toán dư nợ nên nguyên đơn chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn là có căn cứ, đúng theo quy định tại các Điều 465, 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Theo Điều 24.4 của Bản điều khoản và điều kiện, áp dụng mức lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ, sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 3 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp mà chủ thẻ không thành toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền tối thiểu thì Ngân hàng sẽ chấm dứt việc sử dụng thẻ. Ngày 11/11/2021, dư nợ thẻ được chuyển thành nợ quá hạn là 11,998,144 (mười một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn một trăm bốn mươi bốn) đồng, bao gồm các giao dịch, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức, phí rút tiền, phí thường niên được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên và có căn cứ chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật"*. Theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà

nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng thì một năm là 365 ngày. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 3.9%/tháng (150% của lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-VBLQ ngày 06/8/2019 của Sacombank về ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam). Tại Điều 23 của Bản điều kiện và điều khoản không ghi nhận lãi được tính theo ngày, tháng hay năm mà chỉ quy định lãi tính từ ngày ghi nợ hoặc từ giao dịch. Tính từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là 1048 ngày, theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng là đúng theo thỏa thuận, tổng số tiền lãi quá hạn là 16,362,302 (mười sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm lẻ hai) đồng. Lãi tiếp tục được tính theo lãi suất trong hợp đồng cho đến ngày bị đơn thanh toán hết nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi với cách tính lãi như trên là đúng, có căn cứ chấp nhận.

[7] Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị của Viện kiểm sát, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 28,360,446 (hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 63, 85, 147, 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, 235, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, 116, 117, 118, 119, 134, 138, 141, 280, 357, 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà ước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 28,360,446 (hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng bao gồm nợ gốc là 11,998,144 (mười một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn một trăm bốn mươi bốn) đồng, lãi quá hạn là 16,362,302 (mười

sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng. Việc thanh toán làm làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn không trả đủ số tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 1,418,022 (một triệu bốn trăm mười tám nghìn không trăm hai mươi hai) đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 605,000 (sáu trăm lẻ năm nghìn) đồng theo Biên lai số 0023508 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Q. Bình Thạnh(2);
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh(1);
- Lưu VP, HS(4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thanh